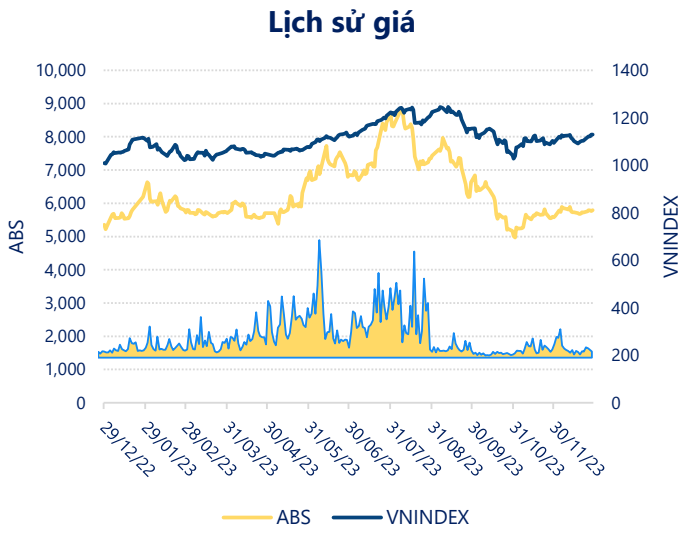
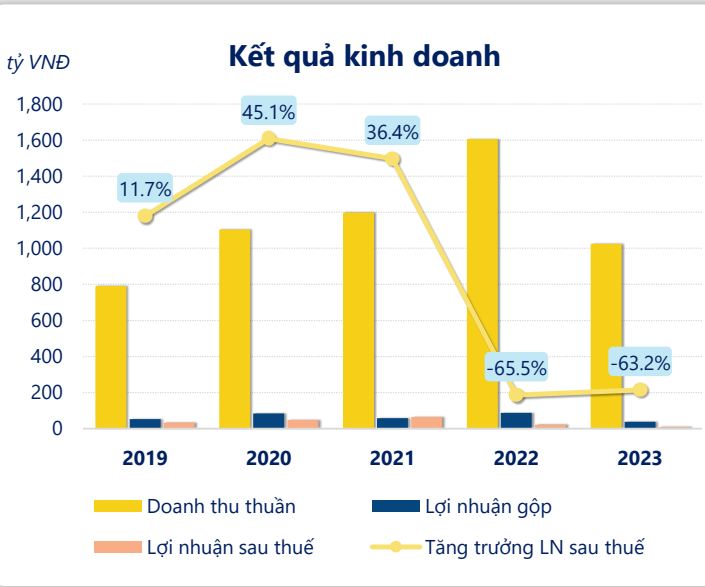
KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 29/12/2023	5,790 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.2%	-9.4%	-

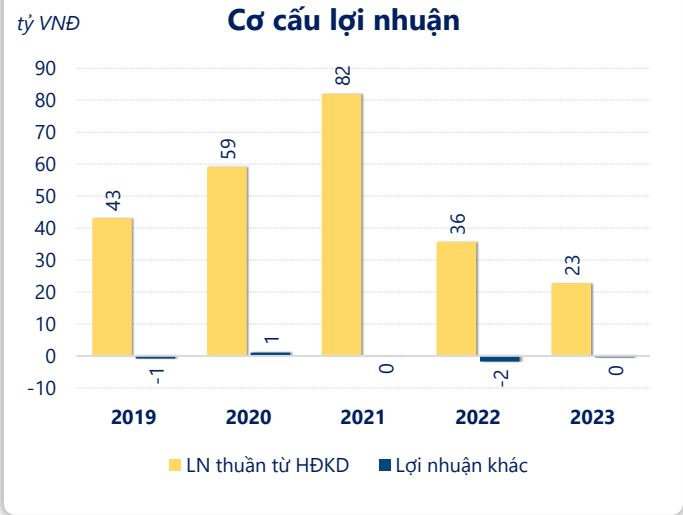
	2023	YoY
DT thuần	1,025 *tỷ VNĐ*	▼ 580 ▼ 36.1%
LN gộp	38.7 *tỷ VNĐ*	▼ 49.1 ▼ 55.9%
LN thuần	22.7 *tỷ VNĐ*	▼ 13.0 ▼ 36.3%
LN sau thuế	8.29 *tỷ VNĐ*	▼ 14.2 ▼ 63.2%
ROE	0.9%	+/- YoY ▼ 1.5%
ROA	0.5%	+/- YoY ▼ 0.9%

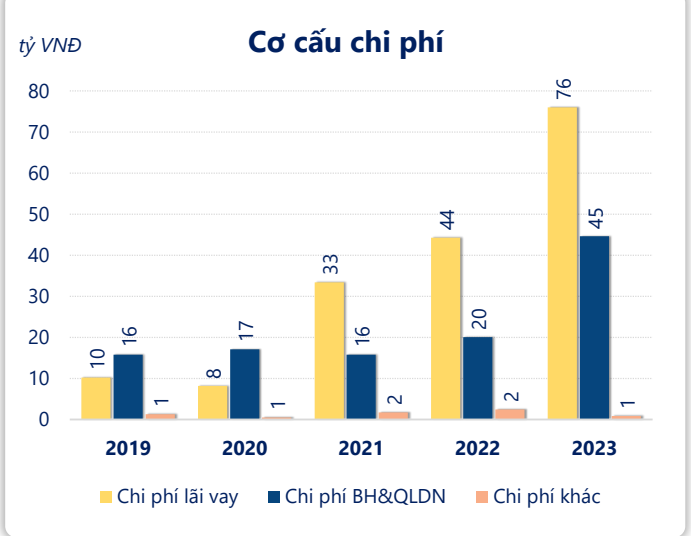




Năm **2023**, **ABS** ghi nhận doanh thu thuần **1,025** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **8.29** tỷ đồng, lần lượt **giảm 36.1%** và **giảm 63.2%** so với năm trước.

Sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận cùng với **ROE** ở mức **0.91%**. Cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng lợi nhuận. Cần tối ưu hóa hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.

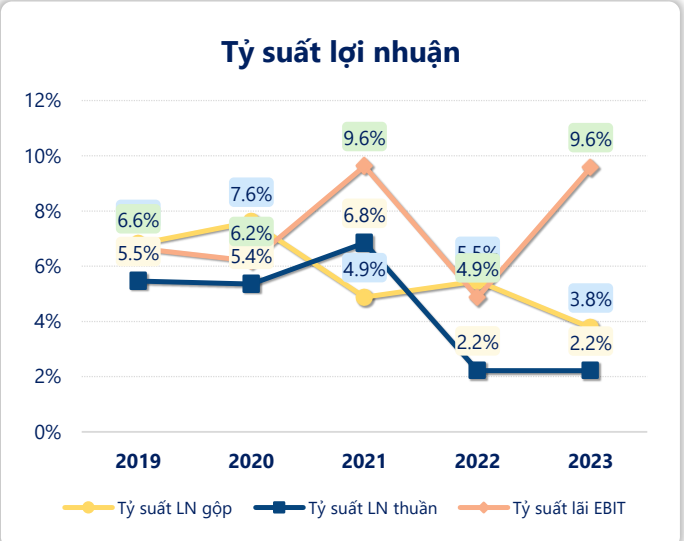


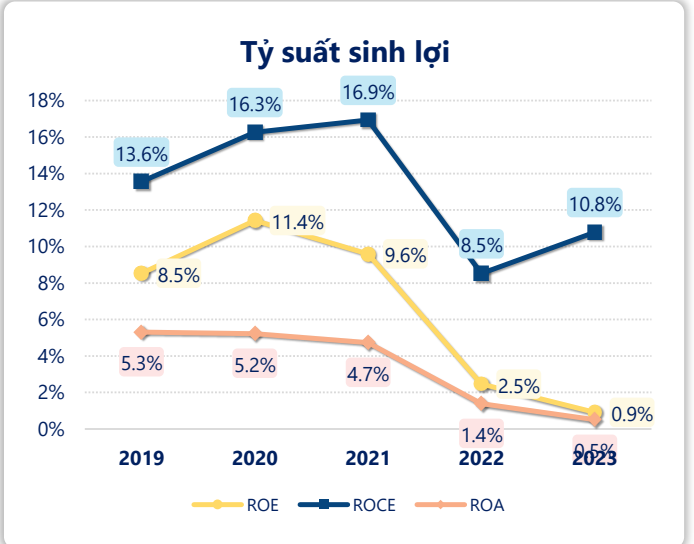


Năm **2023**, **ABS** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **22.72** tỷ đồng, **giảm đi 12.96** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (48.54 tỷ đồng) là 25.82 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

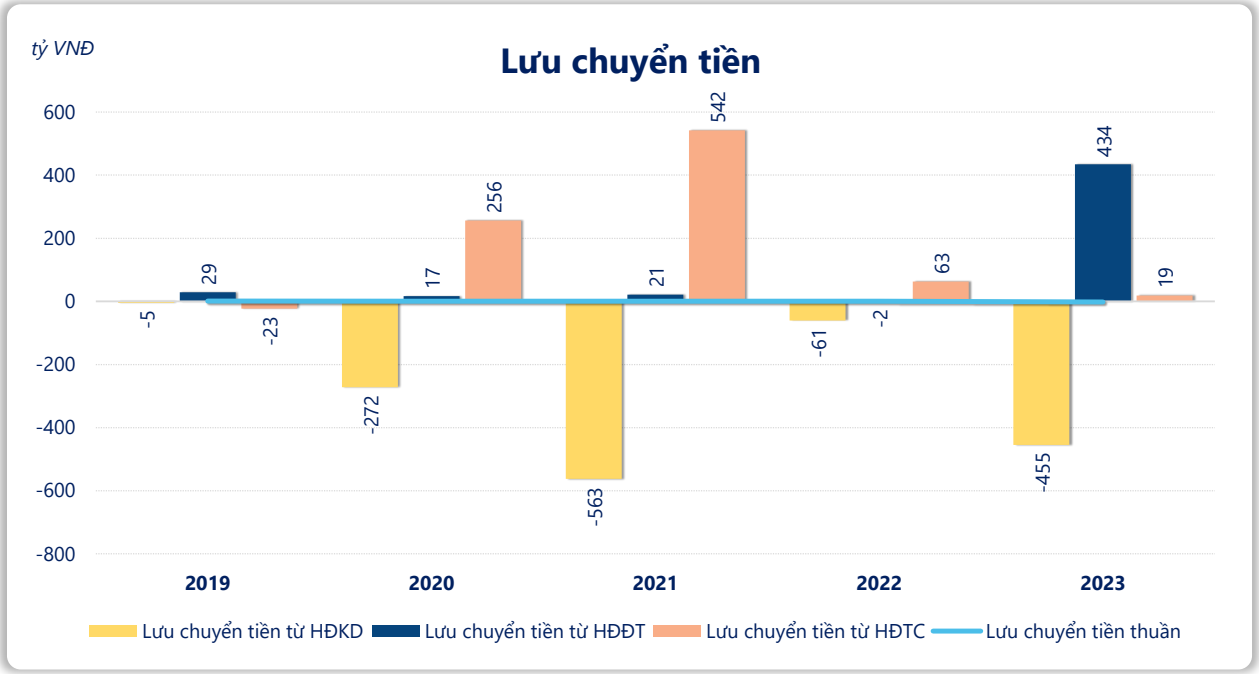
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **76.02** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **44.62** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.81** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của ABS năm 2023 **giảm** so với năm trước còn **0.91%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**791**	**1,104**	**1,199**	**1,605**	**1,025**
Giá vốn hàng bán	737	1,020	1,140	1,518	987
Lợi nhuận gộp	**53.8**	**84.0**	**58.4**	**87.8**	**38.7**
Doanh thu HĐTC	15.5	0.34	72.9	12.3	105
Chi phí TC	10.4	8.14	33.5	44.3	76.0
Chi phí lãi vay	**10.2**	**8.14**	**33.4**	**44.3**	**76.0**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	8.92	8.04	6.79	6.05	5.85
Chi phí QLDN	6.85	9.01	8.97	14.0	38.8
LN thuần từ HĐKD	**43.2**	**59.1**	**82.0**	**35.7**	**22.7**
Lợi nhuận khác	-0.83	1.02	-0.04	-1.81	-0.49
LN trước thuế	**42.3**	**60.1**	**82.0**	**33.9**	**22.2**
Lợi nhuận sau thuế	**33.0**	**47.9**	**65.4**	**22.5**	**8.29**
LNST của CĐ cty mẹ	**33.0**	**47.9**	**65.4**	**22.5**	**8.29**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của ABS bằng **-1.93** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2022 (0.33 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-454.6** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **434.2** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **18.50** tỷ đồng.